

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021



## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	2 - 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4 - 5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 35

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM

Số 273 Tây Sơn, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100108945 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/03/2005, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 23/07/2018.

Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam tiền thân là Xí nghiệp Hóa dược, được thành lập theo Quyết định số 827/BYT-QĐ ngày 23/09/1966 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Ngày 08/12/2004, Bộ trưởng Bộ Y tế ra Quyết định số 4420/QĐ-BYT về phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Xí nghiệp Hóa dược thành Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam.

Vốn điều lệ: 21.483.900.000 VND.

Số lượng cổ phiếu: 2.148.390 cổ phiếu.

Mệnh giá: 10.000 VND/ Cổ phiếu.

Trụ sở chính của Công ty tại số 273 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.

### **Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Văn Châu	Chủ tịch HĐQT
Bà Lê Thị Minh Lý	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Quý	Thành viên HĐQT
Ông Đinh Văn Thịnh	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Chí Tiến	Thành viên HĐQT

#### **Ban kiểm soát**

Ông Nguyễn Trọng Việt	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Phạm Quỳnh Giang	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Xuân Việt	Thành viên Ban kiểm soát

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Châu	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Minh Lý	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
Ông Nguyễn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Điền	Phó Tổng Giám đốc

### **Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Nguyễn Văn Châu - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc cam kết:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất

### **Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết tuân thủ việc công bố thông tin theo Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn một số điều về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán áp dụng đối với Công ty Đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Văn Châu**

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2022



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam (Sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 04 tháng 03 năm 2022, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**Lê Viết Cường**

**Phó Giám đốc**

Giấy CNDKHN Kiểm toán

Số: 2478-2018-009-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM**

**- CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2022

**Đặng Ngọc Khánh**

**Kiểm toán viên**

Giấy CNDKHN Kiểm toán

Số: 2505-2019-009-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2021	01/01/2021
<b>A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>95.299.441.801</b>	<b>88.290.457.934</b>
<b>I/ Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>14.045.956.263</b>	<b>15.176.642.634</b>
1. Tiền	111		14.045.956.263	14.502.177.810
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	674.464.824
<b>II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>3.559.714.015</b>	<b>2.521.933.151</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	3.559.714.015	2.521.933.151
<b>III/ Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>41.460.812.265</b>	<b>36.609.804.824</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	33.272.211.065	24.055.369.150
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	4.190.862.251	2.065.630.957
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.6	3.243.028.608	5.453.043.750
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.7	1.805.824.849	5.035.760.967
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(1.051.114.508)	-
<b>IV/ Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>34.523.570.013</b>	<b>33.971.695.242</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.8	34.523.570.013	33.971.695.242
<b>V/ Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.709.389.245</b>	<b>10.382.083</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	10.382.083
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.692.367.245	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.15	17.022.000	-
<b>B/ TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>90.223.715.149</b>	<b>73.364.909.407</b>
<b>I/ Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>1.678.567.628</b>
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	5.4	1.028.567.628	1.028.567.628
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	650.000.000
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	5.5	(1.028.567.628)	-
<b>II/ Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>83.326.430.705</b>	<b>71.685.923.819</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	83.326.430.705	71.685.923.819
- Nguyên giá	222		162.944.527.415	145.955.766.509
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(79.618.096.710)	(74.269.842.690)
<b>III/ Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV/ Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>6.879.000.000</b>	<b>417.960</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	6.879.000.000	417.960
<b>V/ Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI/ Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>18.284.444</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		18.284.444	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>185.523.156.950</b>	<b>161.655.367.341</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2021	01/01/2021
<b>C/ NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>75.468.606.389</b>	<b>65.838.569.984</b>
<b>I/ Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>67.669.501.389</b>	<b>65.832.424.984</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	23.844.347.623	15.974.573.047
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	7.827.295.067	6.704.937.954
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	822.597.951	636.978.179
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	4.200.000.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	3.523.076.015	8.060.811.901
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	30.544.722.784	29.317.492.618
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.107.461.949	937.631.285
<b>II/ Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.799.105.000</b>	<b>6.145.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.13	2.500.000.000	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14	5.292.960.000	-
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		6.145.000	6.145.000
<b>D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>110.054.550.561</b>	<b>95.816.797.357</b>
<b>I/ Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.16</b>	<b>110.054.550.561</b>	<b>95.816.797.357</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		21.483.900.000	21.483.900.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		21.483.900.000	21.483.900.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.947.979.000	8.947.979.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.689.668.240	16.693.688.260
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.148.390.000	2.148.390.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		57.501.632.128	45.232.045.592
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		45.232.045.592	40.545.520.726
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.269.586.536	4.686.524.866
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.282.981.193	1.310.794.505
<b>II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>185.523.156.950</b>	<b>161.655.367.341</b>

Nguyễn Văn Châu

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2022



Lê Thị Minh Lý

Kế toán trưởng

Phạm Quỳnh Giang

Người lập biểu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	190.204.909.179	205.141.523.870
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	375.211.500	63.698.000
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10		<b>189.829.697.679</b>	<b>205.077.825.870</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	130.861.340.348	147.679.094.808
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		<b>58.968.357.331</b>	<b>57.398.731.062</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	771.328.431	884.829.188
7. Chi phí tài chính	22	6.5	2.627.205.708	2.987.855.012
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.519.075.162</i>	<i>2.632.858.215</i>
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	6.6	18.596.340.220	13.529.311.489
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	21.795.926.706	29.868.873.622
11. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>16.720.213.128</b>	<b>11.897.520.127</b>
12. Thu nhập khác	31	6.8	4.906.714.760	2.261.177.849
13. Chi phí khác	32	6.9	1.722.378.069	2.838.064.568
14. <b>Lợi nhuận khác</b>	40		<b>3.184.336.691</b>	<b>(576.886.719)</b>
15. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		<b>19.904.549.819</b>	<b>11.320.633.408</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	2.822.597.951	2.519.149.175
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	60		<b>17.081.951.868</b>	<b>8.801.484.233</b>
- LNST của cổ đông của công ty mẹ	61		17.109.765.180	8.796.007.515
- LNST của cổ đông không kiểm soát	62		(27.813.312)	5.476.718
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	7.840	4.010
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.11	7.840	4.010

Nguyễn Văn Châu

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2022



Lê Thị Minh Lý

Kế toán trưởng

Phạm Quỳnh Giang

Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Chi tiêu	MS	Đơn vị tính: VND	
		Năm 2021	Năm 2020
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	19.904.549.819	11.320.633.408
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	10.921.834.660	10.656.447.661
- Các khoản dự phòng	03	2.079.682.136	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.309.226	324.390.268
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(848.205.628)	(864.222.659)
- Chi phí lãi vay	06	2.519.075.162	2.632.858.215
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	34.578.245.375	24.070.106.893
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(15.395.106.976)	(597.816.026)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(551.874.771)	8.572.722.456
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	8.504.475.279	(6.122.453.803)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(7.902.361)	91.891.467
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.519.075.162)	(2.632.858.215)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(2.519.149.175)	(5.807.985.320)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	1.095.590.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(96.300.000)	(1.188.816.364)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>21.993.312.209</b>	<b>17.480.381.088</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(29.735.251.426)	(3.689.324.047)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	181.818.182	10.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(12.202.253.872)	(14.473.973.901)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	14.024.488.150	9.678.597.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	666.387.446	854.222.659
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(27.064.811.520)</b>	<b>(7.620.478.289)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	87.016.221.466	64.680.660.354
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(80.496.031.300)	(80.832.377.124)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.578.068.000)	(2.578.068.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>3.942.122.166</b>	<b>(18.729.784.770)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(1.129.377.145)</b>	<b>(8.869.881.971)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	15.176.642.634	24.045.860.265
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.309.226)	664.340
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>14.045.956.263</b>	<b>15.176.642.634</b>

Nguyễn Văn Châu  
 Tổng Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2022



Lê Thị Minh Lý  
 Kế toán trưởng

Phạm Quỳnh Giang  
 Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021



## MỤC LỤC

---

	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	2 - 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4 - 5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM

Số 273 Tây Sơn, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100108945 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/03/2005, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 23/07/2018.

Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam tiền thân là Xí nghiệp Hóa dược, được thành lập theo Quyết định số 827/BYT-QĐ ngày 23/09/1966 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Ngày 08/12/2004, Bộ trưởng Bộ Y tế ra Quyết định số 4420/QĐ-BYT về phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Xí nghiệp Hóa dược thành Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam.

Vốn điều lệ: 21.483.900.000 VND.

Số lượng cổ phiếu: 2.148.390 cổ phiếu.

Mệnh giá: 10.000 VND/ Cổ phiếu.

Trụ sở chính của Công ty tại số 273 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.

### **Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Văn Châu	Chủ tịch HĐQT
Bà Lê Thị Minh Lý	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Quý	Thành viên HĐQT
Ông Đinh Văn Thịnh	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Chí Tiến	Thành viên HĐQT

#### **Ban kiểm soát**

Ông Nguyễn Trọng Việt	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Phạm Quỳnh Giang	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Xuân Việt	Thành viên Ban kiểm soát

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Châu	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Minh Lý	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
Ông Nguyễn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Điền	Phó Tổng Giám đốc

### **Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Nguyễn Văn Châu - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc cam kết:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

### **Phê duyệt Báo cáo tài chính riêng**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

### **Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết tuân thủ việc công bố thông tin theo Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn một số điều về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán áp dụng đối với Công ty Đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Văn Châu**

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2022



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International

Số: 091B/2022/BCKTR-PB.00027



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 04 tháng 03 năm 2022, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



**Lê Viết Cường**

**Phó Giám đốc**

Giấy CNĐKHN Kiểm toán

Số: 2478-2018-009-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM**

**- CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2022

**Đặng Ngọc Khánh**

**Kiểm toán viên**

Giấy CNĐKHN Kiểm toán

Số: 2505-2019-009-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2021	01/01/2021
<b>A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>90.988.374.967</b>	<b>83.924.814.053</b>
<b>I/ Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>13.347.450.293</b>	<b>13.377.998.100</b>
1. Tiền	111	5.1	13.347.450.293	13.377.998.100
<b>III/ Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III/ Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>41.424.987.416</b>	<b>36.575.120.711</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	33.272.211.065	24.055.369.150
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	4.190.862.251	2.065.630.957
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	3.243.028.608	5.453.043.750
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	1.770.000.000	5.001.076.854
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(1.051.114.508)	-
<b>IV/ Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>34.523.570.013</b>	<b>33.971.695.242</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.7	34.523.570.013	33.971.695.242
<b>VI/ Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.692.367.245</b>	-
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.692.367.245	-
<b>B/ TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>93.234.671.386</b>	<b>76.160.981.592</b>
<b>I/ Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	<b>1.678.567.628</b>
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	5.3	1.028.567.628	1.028.567.628
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	650.000.000
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	5.6	(1.028.567.628)	-
<b>III/ Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>79.355.671.386</b>	<b>67.481.996.004</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	79.355.671.386	67.481.996.004
- Nguyên giá	222		154.808.212.415	137.819.451.509
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(75.452.541.029)	(70.337.455.505)
<b>III/ Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV/ Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>6.879.000.000</b>	<b>417.960</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	6.879.000.000	417.960
<b>VI/ Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>7.000.000.000</b>	<b>7.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.10	7.000.000.000	7.000.000.000
<b>VII/ Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>184.223.046.353</b>	<b>160.085.795.645</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM

Số 273 Tây Sơn, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2021	01/01/2021
<b>C/ NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>79.017.204.467</b>	<b>69.374.571.080</b>
<b>I/ Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>67.518.099.467</b>	<b>69.368.426.080</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	23.844.347.623	15.974.573.047
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	7.827.295.067	6.704.937.954
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	822.597.951	624.381.197
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	-	4.200.000.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	3.488.597.114	8.026.333.000
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	30.544.722.784	33.017.492.618
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		990.538.928	820.708.264
<b>II/ Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>11.499.105.000</b>	<b>6.145.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	2.500.000.000	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	8.992.960.000	-
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		6.145.000	6.145.000
<b>D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>105.205.841.886</b>	<b>90.711.224.565</b>
<b>I/ Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>105.205.841.886</b>	<b>90.711.224.565</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		21.483.900.000	21.483.900.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		21.483.900.000	21.483.900.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.947.979.000	8.947.979.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		17.105.618.410	15.109.638.430
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.148.390.000	2.148.390.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		55.519.954.476	43.021.317.135
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		43.021.317.135	38.379.894.656
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.498.637.341	4.641.422.479
<b>II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>184.223.046.353</b>	<b>160.085.795.645</b>



Nguyễn Văn Châu  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2022

Lê Thị Minh Lý  
Kế toán trưởng

Phạm Quỳnh Giang  
Người lập biểu

00  
Y  
B HA  
N  
AM  
H  
3  
HA

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Chi tiêu	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	189.607.179.179	203.178.105.430
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	375.211.500	63.698.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		189.231.967.679	203.114.407.430
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	130.152.175.848 *	146.409.955.308
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		59.079.791.831	56.704.452.122
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	607.626.438	693.423.149
7. Chi phí tài chính	22	6.5	2.812.205.708	3.172.855.012
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.704.075.162 *	2.817.858.215
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	18.596.340.220	13.529.311.489
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	21.302.021.497 *	28.867.134.943
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.976.850.844	11.828.573.827
11. Thu nhập khác	31	6.8	4.912.503.233	2.311.590.609
12. Chi phí khác	32	6.9	1.727.940.141	2.879.762.615
13. Lợi nhuận khác	40		3.184.563.092	(568.172.006)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		20.161.413.936	11.260.401.821
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	2.822.597.951	2.509.496.693
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		17.338.815.985	8.750.905.128

(\*) Chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất, không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Văn Châu  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2022

Lê Thị Minh Lý  
Kế toán trưởng

Phạm Quỳnh Giang  
Người lập biểu

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Năm 2021	Năm 2020
<b>I/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	239.716.713.986	239.059.011.626
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(168.243.572.852)	(179.827.702.585)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(30.055.114.376)	(25.558.741.911)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(2.704.075.162)	(2.817.858.215)
5. Thuế TNDN đã nộp	05	(2.509.496.693)	(5.804.230.796)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.457.558.878	1.382.708.472
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(15.442.641.879)	(9.128.080.027)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>22.219.371.902</b>	<b>17.305.106.564</b>
<b>II/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(29.735.251.426)	(3.689.324.047)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	181.818.182	10.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(11.164.473.008)	(11.952.040.750)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của các đơn vị khác	24	14.024.488.150	9.678.597.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	502.685.453	662.816.620
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(26.190.732.649)</b>	<b>(5.289.951.177)</b>
<b>III/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	87.016.221.466	64.680.660.354
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(80.496.031.300)	(80.832.377.124)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.578.068.000)	(2.578.068.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>3.942.122.166</b>	<b>(18.729.784.770)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(29.238.581)</b>	<b>(6.714.629.383)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>13.377.998.100</b>	<b>20.093.291.823</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.309.226)	(664.340)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>13.347.450.293</b>	<b>13.377.998.100</b>



Nguyễn Văn Châu  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2022

Lê Thị Minh Lý  
Kế toán trưởng

Phạm Quỳnh Giang  
Người lập biểu